

THÔNG BÁO
Công khai tài chính của cơ sở giáo dục đại học năm 2023

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Học phí/1SV/ năm học 2023-2024	Dự kiến Học phí/1SV của cả khóa học
I	Học phí chính quy chương trình đại trà			
1	Tiến sĩ	Triệu đồng/năm	60,50	242,00
2	Thạc sĩ			
2.1	Khối ngành kinh tế và xã hội			
2.1.1	Ngành Xã hội học	Triệu đồng/năm	29,56	59,11
2.1.2	Ngành Quản trị kinh doanh	Triệu đồng/năm	29,10	58,19
2.1.3	Ngành Tài chính - Ngân hàng	Triệu đồng/năm	29,10	58,19
2.1.4	Ngành Kế toán	Triệu đồng/năm	29,10	58,19
2.1.5	Ngành Luật kinh tế	Triệu đồng/năm	29,14	58,27
2.1.6	Ngành Quản lý thể dục thể thao	Triệu đồng/năm	29,10	58,19
2.1.7	Ngành Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn tiếng Anh	Triệu đồng/năm	36,94	73,87
2.2	Khối ngành kỹ thuật			
2.2.1	Ngành Mỹ thuật ứng dụng	Triệu đồng/năm	34,37	68,73
2.2.2	Ngành Toán ứng dụng	Triệu đồng/năm	35,44	70,88
2.2.3	Ngành Khoa học máy tính	Triệu đồng/năm	35,44	70,88
2.2.4	Ngành Kỹ thuật điện	Triệu đồng/năm	34,75	69,50
2.2.5	Ngành Kỹ thuật viễn thông	Triệu đồng/năm	34,75	69,50
2.2.6	Ngành Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Triệu đồng/năm	34,75	69,50
2.2.7	Ngành Kỹ thuật hóa học	Triệu đồng/năm	34,75	69,50
2.2.8	Ngành Kỹ thuật môi trường	Triệu đồng/năm	34,75	69,50
2.2.9	Ngành Kỹ thuật xây dựng	Triệu đồng/năm	34,75	69,50
2.2.10	Ngành Bảo hộ lao động	Triệu đồng/năm	34,75	69,50
3	Đại học			
3.1	Khối ngành Khoa học xã hội, Kinh tế, Quản lý thể thao, Luật, Khách sạn, Du lịch	Triệu đồng/năm	24,60	98,40
3.2	Khối ngành Khoa học tự nhiên; Kỹ thuật, Công nghệ; Nghệ thuật			
3.2.1	Chương trình cấp bằng cử nhân	Triệu đồng/năm	28,80	115,20
3.2.2	Chương trình cấp bằng kỹ sư	Triệu đồng/năm	28,80	144,00
3.3	Dược	Triệu đồng/năm	55,20	276,00
II	Học phí chính quy chương trình khác			
1	Chương trình Chất lượng cao			
1.1	Khối ngành Khoa học xã hội, Kinh tế, Quản lý thể thao, Luật, Khách sạn, Du lịch	Triệu đồng/năm	52,63	210,52
1.2	Khối ngành Khoa học tự nhiên; Kỹ thuật, Công nghệ; Nghệ thuật			
1.2.1	Chương trình cấp bằng cử nhân	Triệu đồng/năm	48,50	194,00
1.2.2	Chương trình cấp bằng kỹ sư	Triệu đồng/năm	48,65	243,25
2	Chương trình đại học bằng tiếng Anh			
2.1	Khối ngành Khoa học xã hội, Kinh tế, Quản lý thể thao, Luật, Khách sạn, Du lịch	Triệu đồng/năm	73,40	293,60
2.2	Khối ngành Khoa học tự nhiên; Kỹ thuật, Công nghệ; Nghệ thuật			
2.2.1	Chương trình cấp bằng cử nhân	Triệu đồng/năm	73,91	295,64

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Học phí/1SV/ năm học 2023-2024	Dự kiến Học phí/1SV của cả khóa học
2.2.2	Chương trình cấp bằng kỹ sư	Triệu đồng/năm	74,80	374,00
III	Tổng thu năm 2022	Tỷ đồng		
1	Từ ngân sách	Tỷ đồng	5,81	
2	Từ học phí	Tỷ đồng	963,69	
3	Từ nghiên cứu khoa học, đổi mới sáng tạo, chuyển giao tri thức và tài trợ (đề tài, dự án nghiên cứu, hợp đồng tư vấn, chuyển giao tri thức, tài trợ)	Tỷ đồng	56,50	
4	Từ nguồn hợp pháp khác	Tỷ đồng	41,48	
	CỘNG		1.067,48	

Nơi nhận:

- Website Công khai;
- Lưu: P.TCHC.

Tp.HCM, ngày 23 tháng 6 năm 2023

HIỆU TRƯỞNG



TS. Trần Trọng Đạo